

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị điều chỉnh một số nội dung của Kế hoạch đầu tư công năm 2018 đã được thông qua tại Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1972/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về kế hoạch đầu tư công năm 2018, với tổng vốn trong cân đối ngân sách địa phương là 3.900.460 triệu đồng.

Tuy nhiên, tại Quyết định số 2468/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ Tài chính, trong tổng chi đầu tư phát triển năm 2018 của tỉnh đã bao gồm 67.800 triệu đồng từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện 04 dự án sử dụng vốn ODA (gồm: dự án sửa chữa, nâng cấp an toàn hồ đập; dự án cấp nước 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng; dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương); trong khi đó, tại Quyết định số 1972/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng vốn trong cân đối ngân sách địa phương không bao gồm số vốn nêu trên. Vì vậy, nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2018 theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh bị thiếu hụt 67.800 triệu đồng, nên việc phân bổ vốn chi tiết cho các dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư năm 2018 (đã được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất phương án phân bổ chi tiết cho các dự án tại Kết luận số

482/KL-HĐND ngày 20/8/2018) chưa thể thực hiện được.

Để giải quyết vướng mắc nêu trên, UBND tỉnh đã có Công văn số 10844/UBND-THKH ngày 06/9/2018 đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn giải quyết. Tại Công văn số 12264/BTC-ĐT ngày 08/10/2018, Bộ Tài chính đã trả lời, đối với dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương của tỉnh Thanh Hóa đã bao gồm vốn Chính phủ vay về cho vay lại là 67.800 triệu đồng và đề nghị tỉnh Thanh Hóa thực hiện theo quy định. Tại Công văn số 7668/BKHĐT-KTĐPLT ngày 29/10/2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Bộ Tài chính để thực hiện.

Để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018, đảm bảo việc phân bổ vốn theo đúng quy định và phù hợp với mức vốn được Trung ương thông báo; trên cơ sở tham mưu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 6085/SKHĐT-TH ngày 09/11/2018, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh một số nội dung của Kế hoạch đầu tư công năm 2018 đã được thông qua tại Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh, với những nội dung sau:

1. Tại Mục III.1, phần III, phụ lục số 1:

- Bổ sung nội dung bố trí vốn tỉnh Thanh Hóa vay lại của Chính phủ để thực hiện 04 dự án sử dụng vốn ODA là 67.800 triệu đồng, vào Kế hoạch đầu tư trong cân đối theo tiêu chí năm 2018 (chi tiết có Phụ lục số 1 kèm theo).

- Hủy số vốn bố trí để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2018 chưa được giao chi tiết (20.000 triệu đồng).

2. Tại Điều e Mục III.2 Phần III Phụ lục số 1 điều chỉnh như sau: giảm kế hoạch vốn đã bố trí cho các dự án khởi công mới năm 2018 và chuẩn bị đầu tư từ 70.000 triệu đồng, xuống còn 22.200 triệu đồng

3. Phân bổ vốn chi tiết cho các dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư năm 2018 như Phụ lục số 2 kèm theo.

Sau khi HĐND tỉnh thông qua các nội dung nêu trên, UBND tỉnh sẽ ban hành quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2018 và chỉ đạo các ngành, đơn vị tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng

Phụ lục 1: KẾ HOẠCH VỐN VAY LẠI TỪ NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY VỀ CHO VAY LẠI CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI NĂM 2018
(Kèm theo Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục	Số quyết định	Quyết định đầu tư ban đầu và quyết định điều chỉnh cuối cùng						Kế hoạch vốn vay lại năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			TMDT								
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					
Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó:							
			Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW	Vốn vay lại							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số		1.810.960	395.417	9.682	1.415.543	1.123.715	291.828	67.800		
1	Sửa chữa nâng cao an toàn đập (WB8).	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 9/11/2015	487.350	25.425		461.925	392.636	69.289	4.589	Sở Nông nghiệp và PTNT	
2	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP).	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016; 1698/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2017	696.682	293.682	9.682	403.000	358.000	45.000	21.690	Sở Giao thông Vận tải	
3	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng.	2283/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/9/2012	626.928	76.310		550.618	373.079	177.539	41.521	Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn	

Phụ lục 2: KẾ HOẠCH CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2018 CHO CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Tờ trình số 188 /TTr-UBND ngày 07 /12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Kế hoạch vốn năm 2018 đã giao	Số vốn đề nghị điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn năm 2018 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỔNG SỐ				70.000	47.800	22.200		
I	Dự án khởi công mới năm 2018			69.000	47.800	21.200		
1	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn (GD I).	7653294	865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018	30.000	26.800	3.200	Sở Giao thông Vận tải	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
2	Nâng cấp, cải tạo Đường tỉnh 526B (Hậu Lộc - Quán Dốc).	7655981	970/QĐ-UBND ngày 21/3/2018	5.000	3.500	1.500	Sở Giao thông Vận tải	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 10 (tại ngã tư thị trấn Hậu Lộc) với Đường tỉnh 526 huyện Hậu Lộc.	7659133	1613/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	5.000	3.500	1.500	UBND huyện Hậu Lộc	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
4	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc đi làng Thung xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh.	7668139	1510/QĐ-UBND ngày 26/4/2018	4.000	2.500	1.500	UBND huyện Ngọc Lặc	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
5	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Thanh Hóa (Phần ngân sách tỉnh đầu tư).	7497709	1215-QĐ/TWĐTN ngày 31/8/2016	3.000	1.500	1.500	Tỉnh đoàn Thanh Hóa	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện hạng mục cải tạo nhà Ký túc xá 5 tầng, nhà làm việc 3 tầng, hội trường, sân đường và tường rào.
6	Trụ sở làm việc UBND - HĐND huyện Đông Sơn.	7679927	3771/QĐ-UBND ngày 04/10/2017	3.000	1.500	1.500	UBND huyện Đông Sơn	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
7	Nâng cấp, cải tạo Đường tỉnh 515B (ĐT.515B) Thiệu Lý - Đông Hoàng.	7658625	952/QĐ-UBND ngày 19/3/2018	3.000	1.500	1.500	Sở Giao thông Vận tải	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
8	Nâng cấp, cải tạo Đường tỉnh 515C Đu - Thọ Vực.	7658626	1002/QĐ-UBND ngày 23/3/2018	3.000	1.500	1.500	Sở Giao thông Vận tải	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
9	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Nga Tân, Nga Tiến, Nga Thái, huyện Nga Sơn.	7659288	1646/QĐ-UBND ngày 08/5/2018	2.000	500	1.500	UBND huyện Nga Sơn	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối Quốc lộ 45 với Tỉnh lộ 505, huyện Như Thanh.	7660153	1027/QĐ-UBND ngày 26/3/2018	3.000	1.500	1.500	UBND huyện Như Thanh	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Kế hoạch vốn năm 2018 đã giao	Số vốn đề nghị điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn năm 2018 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
11	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Xuân Tín - Quảng Phú, huyện Thọ Xuân.	7658761	1443/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	2.000	500	1.500	UBND huyện Thọ Xuân	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
12	Nâng cấp đường giao thông từ Tỉnh lộ 530 vào cụm công nghiệp Bãi Búi, xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh.	7715006	135/QĐ-UBND ngày 11/01/2018	2.000	500	1.500	UBND huyện Lang Chánh	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
13	Đường nối Khu công nghiệp Tây Bắc Ga với đường vành đai phía Tây, TP. Thanh Hóa (Từ mốc A2 đến mốc A4).	7694167	2053/QĐ-UBND ngày 04/6/2018	4.000	2.500	1.500	UBND thành phố Thanh Hóa	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
II	Dự án chuẩn bị đầu tư			1.000		1.000		
1	Đường giao thông từ xã Xuân Cẩm đi Lương Sơn, huyện Thường Xuân.			500		500	UBND huyện Thường Xuân	Hoàn thành lập và trình duyệt dự án đầu tư.
2	Đường giao thông từ xã Phú Sơn đi xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia.			500		500	UBND huyện Tĩnh Gia	Hoàn thành lập và trình duyệt dự án đầu tư.

Số: /NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng 12 năm 2018

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh một số nội dung của Kế hoạch đầu tư công năm 2018 đã được thông qua tại Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHOÁ XVII, KỶ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1972/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 145/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2018;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2018 tại Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày..... tháng ... năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung của Kế hoạch đầu tư công năm 2018 đã được thông qua tại Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung sau:

1. Tại Mục III.1, phần III, phụ lục số 1:

- Bổ sung nội dung bố trí vốn tỉnh Thanh Hóa vay lại của Chính phủ để thực hiện 04 dự án sử dụng vốn ODA là 67.800 triệu đồng, vào Kế hoạch đầu tư trong cân đối theo tiêu chí năm 2018 (chi tiết có Phụ lục số 1 kèm theo).

- Hủy số vốn bố trí để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2018 chưa được giao chi tiết (20.000 triệu đồng).

2. Tại Điều e Mục III.2 Phần III Phụ lục số 1 điều chỉnh như sau: giảm kế hoạch vốn đã bố trí cho các dự án khởi công mới năm 2018 và chuẩn bị đầu tư từ 70.000 triệu đồng, xuống còn 22.200 triệu đồng

3. Phân bổ vốn chi tiết cho các dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư năm 2018 như Phụ lục số 2 kèm theo.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, ban hành quyết định điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2018 và chỉ đạo các ngành, đơn vị tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khoá XVII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày ... tháng 12 năm 2018.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, thị xã, TP.
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến

Phụ lục 1: KẾ HOẠCH VỐN VAY LẠI TỪ NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY VỀ CHO VAY LẠI CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI NĂM 2018
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục	Quyết định đầu tư ban đầu và quyết định điều chỉnh cuối cùng							Kế hoạch vốn vay lại năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định	TMĐT								
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó:				
Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW	Vốn vay lại										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số		1.810.960	395.417	9.682	1.415.543	1.123.715	291.828	67.800		
1	Sửa chữa nâng cao an toàn đập (WB8).	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 9/11/2015	487.350	25.425		461.925	392.636	69.289	4.589	Sở Nông nghiệp và PTNT	
2	Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP).	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016; 1698/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2017	696.682	293.682	9.682	403.000	358.000	45.000	21.690	Sở Giao thông Vận tải	
3	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng.	2283/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/9/2012	626.928	76.310		550.618	373.079	177.539	41.521	Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn	

Phụ lục 2: KẾ HOẠCH CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2018 CHO CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI VÀ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Kế hoạch vốn năm 2018 đã giao	Số vốn đề nghị điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn năm 2018 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ			70.000	47.800	22.200		
I	Dự án khởi công mới năm 2018			69.000	47.800	21.200		
1	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn (GD I).	7653294	865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018	30.000	26.800	3.200	Sở Giao thông Vận tải	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
2	Nâng cấp, cải tạo Đường tỉnh 526B (Hậu Lộc - Quán Dốc).	7655981	970/QĐ-UBND ngày 21/3/2018	5.000	3.500	1.500	Sở Giao thông Vận tải	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông kết nối Quốc lộ 10 (tại ngã tư thị trấn Hậu Lộc) với Đường tỉnh 526 huyện Hậu Lộc.	7659133	1613/QĐ-UBND ngày 04/5/2018	5.000	3.500	1.500	UBND huyện Hậu Lộc	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
4	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc đi làng Thung xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh.	7668139	1510/QĐ-UBND ngày 26/4/2018	4.000	2.500	1.500	UBND huyện Ngọc Lặc	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
5	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Thanh Hóa (Phần ngân sách tỉnh đầu tư).	7497709	1215-QĐ/TWĐTN ngày 31/8/2016	3.000	1.500	1.500	Tỉnh đoàn Thanh Hóa	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện hạng mục cải tạo nhà Ký túc xá 5 tầng, nhà làm việc 3 tầng, hội trường, sân đường và tường rào.
6	Trụ sở làm việc UBND - HĐND huyện Đông Sơn.	7679927	3771/QĐ-UBND ngày 04/10/2017	3.000	1.500	1.500	UBND huyện Đông Sơn	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
7	Nâng cấp, cải tạo Đường tỉnh 515B (ĐT.515B) Thiệu Lý - Đông Hoàng.	7658625	952/QĐ-UBND ngày 19/3/2018	3.000	1.500	1.500	Sở Giao thông Vận tải	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
8	Nâng cấp, cải tạo Đường tỉnh 515C Đu - Thọ Vực.	7658626	1002/QĐ-UBND ngày 23/3/2018	3.000	1.500	1.500	Sở Giao thông Vận tải	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
9	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Nga Tân, Nga Tiến, Nga Thái, huyện Nga Sơn.	7659288	1646/QĐ-UBND ngày 08/5/2018	2.000	500	1.500	UBND huyện Nga Sơn	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối Quốc lộ 45 với Tỉnh lộ 505, huyện Như Thanh.	7660153	1027/QĐ-UBND ngày 26/3/2018	3.000	1.500	1.500	UBND huyện Như Thanh	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Kế hoạch vốn năm 2018 đã giao	Số vốn đề nghị điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn năm 2018 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
11	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Xuân Tín - Quảng Phú, huyện Thọ Xuân.	7658761	1443/QĐ-UBND ngày 20/4/2018	2.000	500	1.500	UBND huyện Thọ Xuân	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
12	Nâng cấp đường giao thông từ Tỉnh lộ 530 vào cụm công nghiệp Bãi Búi, xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh.	7715006	135/QĐ-UBND ngày 11/01/2018	2.000	500	1.500	UBND huyện Lang Chánh	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
13	Đường nối Khu công nghiệp Tây Bắc Ga với đường vành đai phía Tây, TP. Thanh Hóa (Từ mốc A2 đến mốc A4).	7694167	2053/QĐ-UBND ngày 04/6/2018	4.000	2.500	1.500	UBND thành phố Thanh Hóa	Thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định.
II	Dự án chuẩn bị đầu tư			1.000		1.000		
1	Đường giao thông từ xã Xuân Cẩm đi Lương Sơn, huyện Thường Xuân.			500		500	UBND huyện Thường Xuân	Hoàn thành lập và trình duyệt dự án đầu tư.
2	Đường giao thông từ xã Phú Sơn đi xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia.			500		500	UBND huyện Tĩnh Gia	Hoàn thành lập và trình duyệt dự án đầu tư.

Số: 575 /BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2018 tại Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 4

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 6618/SKHĐT-TH ngày 05/12/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2018. Sau khi nghiên cứu dự thảo, căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Ngày 07/12/2017 Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2018 tại Nghị quyết số 75/NQ-HĐND. Do vậy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2018 đã được thông qua tại Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa là phù hợp và đúng thẩm quyền.

2. Về tên gọi của văn bản:

Dự thảo có tên gọi là “*Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2018 tại Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 4*”. Đề nghị sửa lại thành “*Nghị quyết về việc điều chỉnh một số nội dung của Kế hoạch đầu tư công năm 2018 đã được thông qua tại Nghị quyết 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Thanh Hóa*”, như vậy mới chính xác.

3. Về nội dung văn bản:

- Điều 1 dự thảo ghi “*Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2018 của tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017,...*”. Đề nghị sửa lại thành “*Điều chỉnh một số nội dung của Kế hoạch đầu tư công năm 2018 đã được thông qua tại Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017,...*”, cho phù hợp với tên gọi trên của văn bản.

- Khoản 1, Điều 1 ghi: “*bố trí số vốn tỉnh Thanh Hóa vay lại của Chính phủ để thực hiện 04 dự án sử dụng vốn ODA là 67.800 triệu đồng, vào kế hoạch đầu tư trong cân đối theo tiêu chí năm 2018*” đề nghị sửa lại là:

“Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 1 được điều chỉnh như sau: Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 1.389.260 triệu đồng”.

(Điều chỉnh lại tổng số tiền, bao gồm: Số tiền quy định trong Nghị quyết số 75/NQ-HĐND và số tiền 67.800 triệu đồng được bổ sung mới).

Tương tự, các nội dung điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết cần trích dẫn cụ thể nội dung điều chỉnh đó được quy định tại Mục nào, Điểm nào, Điều nào của Nghị quyết 75/NQ-HĐND để thuận lợi cho việc tra cứu và triển khai thực hiện.

- Dự thảo thể hiện là có các Phụ lục chi tiết kèm theo dự thảo Nghị quyết, tuy nhiên hồ sơ gửi thẩm định không có các Biểu chi tiết kèm theo này. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm các Phụ lục chi tiết kèm theo dự thảo Nghị quyết cho đầy đủ.

- Điều 2 dự thảo quy định *“Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, ban hành quyết định điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2018...”* là chưa phù hợp. Bởi việc quyết định điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh và đã được HĐND tỉnh điều chỉnh tại Điều 1 của dự thảo. Do vậy, đề nghị bỏ nội dung này và giao cho UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

4. Về thể thức và kỹ thuật trình bày:

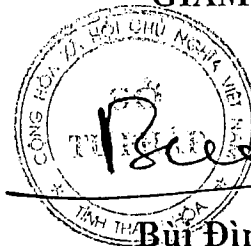
Dự thảo đã đảm bảo về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Kính chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, XDVB.

GIÁM ĐỐC



Bùi Đình Sơn



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Giải trình việc điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2018

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình đề xuất với HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2018, có một số nội dung chưa thống nhất với Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh về dự thảo thu ngân sách trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2018 tỉnh Thanh Hóa và Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của HĐND tỉnh về phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2018 tỉnh Thanh Hóa, dẫn đến không thực hiện được một số nội dung trong Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2018; UBND tỉnh báo cáo giải trình với HĐND tỉnh như sau:

1. Tóm tắt vướng mắc trong việc trình giao và thực hiện dự toán NSNN năm 2018 và Kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2018

Năm 2018, tỉnh Thanh Hóa được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thông báo kế hoạch vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 3.900.460 triệu đồng, gồm: vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí là 1.388.460 triệu đồng; vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 2.500.000 triệu đồng; vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 12.000 triệu đồng.

Theo Quyết định số 2131/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1792/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm 2018, thì tổng số vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Thanh Hóa là 3.900.460 triệu đồng, không thông báo số vốn tỉnh Thanh Hóa vay lại của Chính phủ để thực hiện các dự án ODA (số vốn 67.800 triệu đồng). Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về Kế hoạch đầu tư công năm 2018, đảm bảo theo đúng quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tại Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2018; trong tổng chi đầu tư phát triển năm 2018 là 3.900.460 triệu đồng, đã bao gồm 67.800 triệu đồng từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện 04 dự án ODA. Tuy nhiên, tại các Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 07/12/2017, Nghị quyết số 80/NQ-

HĐND ngày 07/12/2012 của HĐND tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018 của tỉnh Thanh Hóa, trong nội dung chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh (3.900.460 triệu đồng) đã bao gồm số vốn tỉnh Thanh Hóa vay lại của Chính phủ để thực hiện các dự án ODA.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ nhu cầu đầu tư của các dự án, UBND tỉnh đã phân bổ số vốn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại năm 2018 cho các dự án ODA (67.800 triệu đồng) từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí năm 2018 (Quyết định số 3866/QĐ-UBND ngày 08/10/2018). Do đó, hiện nay nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí năm 2018 bị thiếu hụt 67.800 triệu đồng, dẫn đến các dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư năm 2018 mặc dù đã được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất chủ trương và được UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết tại Quyết định số 3275/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 (70.000 triệu đồng), nhưng chưa thể thực hiện được do thực tế tổng nguồn chi đầu tư trong cân đối dành cho các dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư chỉ còn 22.200 triệu đồng.

2. Về nguyên nhân

Nguyên nhân dẫn đến bị thiếu hụt 67.800 triệu đồng từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí năm 2018, là do:

a) Nguyên nhân khách quan:

Tại thời điểm giao kế hoạch năm 2018 cho tỉnh (tháng 12 năm 2017), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính không thống nhất trong việc phân bổ số vốn tỉnh Thanh Hóa vay lại của Chính phủ để thực hiện các dự án ODA năm 2018 cho tỉnh Thanh Hóa, cụ thể: theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2018 giao cho tỉnh Thanh Hóa không có số vốn vay lại (kể cả trong Quyết định số 2131/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ cũng không có số vốn vay lại nêu trên); trong khi đó, Bộ Tài chính lại nêu số vốn vay lại trong nội dung chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2018.

b) Nguyên nhân chủ quan:

Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư chưa phối hợp chặt chẽ trong việc tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua phân bổ dự toán NSNN và kế hoạch đầu tư công năm 2018.

3. Về xử lý vướng mắc và sai sót nêu trên

Sau khi phát hiện ra vướng mắc trên, UBND tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu giải quyết. Căn cứ tình hình thực tế và các quy định của pháp luật, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh có Công văn bản 10844/UBND-THKH ngày 06/9/2018 báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về nội dung trên.

Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn tỉnh Thanh Hóa giải quyết vướng mắc, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu với

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2018 và Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về Kế hoạch đầu tư công năm 2018 đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, do Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 không ghi cụ thể khoản mục chi nêu trên, nhưng vẫn đảm bảo thanh toán theo quy định của pháp luật. Vì vậy, UBND tỉnh báo cáo giải trình và kính trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về Kế hoạch đầu tư công năm 2018; cụ thể như sau:

- Bổ sung nội dung bố trí vốn tỉnh Thanh Hóa vay lại của Chính phủ để thực hiện 04 dự án sử dụng vốn ODA là 67.800 triệu đồng, vào Kế hoạch đầu tư trong cân đối theo tiêu chí năm 2018.

- Hủy số vốn bố trí để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2018 chưa được giao chi tiết (20.000 triệu đồng).

- Giảm kế hoạch vốn đã bố trí cho các dự án khởi công mới năm 2018 và chuẩn bị đầu tư từ 70.000 triệu đồng, xuống còn 22.200 triệu đồng

- Thống nhất phân bổ vốn chi tiết 22.200 triệu đồng cho các dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư năm 2018.

Hiện nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2018 và Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về kế hoạch đầu tư công năm 2018, nhưng không cân đối vốn cho nguồn Chính phủ vay về cho vay lại để thực hiện 04 dự án sử dụng vốn ODA (67.800 triệu đồng) theo Quyết định số 2468/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ Tài chính; báo cáo UBND tỉnh để báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết của số 145/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Công văn số 9560/BKHĐT-TH ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thông báo kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2018;

Xét Tờ trình số 208/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn Kế hoạch đầu tư công năm 2018; Báo cáo thẩm tra số 977/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2018 với những nội dung chủ yếu sau:

Tổng nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý năm 2018 là **6.761.122** triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: 3.900.460 triệu đồng; trong đó:

- 1.1. Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 1.388.460 triệu đồng.
- 1.2. Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 2.500.000 triệu đồng
- 1.3. Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 12.000 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo).

2. Vốn ngân sách Trung ương: 2.860.662 triệu đồng

2.1. Vốn nước ngoài (ODA): 456.893 triệu đồng

2.2. Vốn trong nước: 2.403.769 triệu đồng; bao gồm:

- Vốn hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở: 700.359 triệu đồng
- Vốn trái phiếu Chính phủ: 470.000 triệu đồng
- Vốn chương trình mục tiêu Quốc gia: 707.410 triệu đồng
- Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu: 526.000 triệu đồng

Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương (bao gồm cả vốn các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh và bền vững) và vốn ODA: Thực hiện theo danh mục và mức vốn tại các quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Bộ kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân đấu tăng thu tiền sử dụng đất 1.500.000 triệu đồng để bổ sung vốn cho đầu tư phát triển; căn cứ vào tiến độ thu tiền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi thực hiện.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh ủy quyền cho Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 (nếu có); quyết định danh mục các dự án chuẩn bị đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành để giao kế hoạch cho các ngành, các cấp và các chủ đầu tư thực hiện. Đối với các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để sớm giao kế hoạch chi tiết cho các đơn vị theo quy định. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện,

định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các quy định của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và Kế hoạch đầu tư công năm 2018.

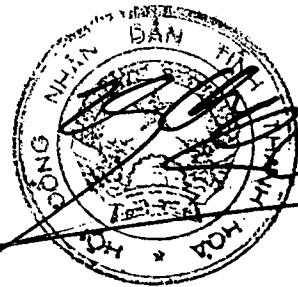
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khoá XVII, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2017.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến

Phụ lục số 1: KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018
(Kèm theo Nghị quyết số: 75/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ						3.900.460		
I	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT						2.500.000		Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo.
I.1	Vốn điều tiết về ngân sách huyện, xã						2.250.000		
I.2	Vốn điều tiết về ngân sách tỉnh						250.000		
II	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT						12.000		
III	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ						1.388.460		
III.1	Bố trí vốn thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018						323.400		
1	Bố trí vốn để thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Mặt trận tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và công sở xã trên địa bàn tỉnh.						93.400		Chi tiết có Phụ lục 3 kèm theo.
2	Thanh toán cho Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT).						150.000		
3	Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA trên địa bàn tỉnh.						60.000		Giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết và thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.
4	Bố trí vốn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018.						20.000		Căn cứ tình hình thực tế, giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết và thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
III.2	Bố trí vốn thực hiện dự án		12.927.649	8.838.285	4.447.446	2.841.065	1.065.060		Căn cứ tình hình chuẩn bị hồ sơ, thủ tục và tình hình thực tế, giao UBND tỉnh có quyết định giao kế hoạch chi tiết (Danh mục, mức vốn, mục tiêu đầu tư) đến từng dự án để triển khai thực hiện theo quy định.
a	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt		1.019.365	891.757	869.156	759.923	131.834		
1	San lấp mặt bằng và xây dựng hệ thống đường giao thông ra, vào Cảng hàng không Thọ Xuân.	220/QĐ-UBND ngày 19/01/2017	75.133	75.133	62.200	62.200	12.933	Sở Giao thông Vận tải	
2	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư trang thiết bị Sân bay Thọ Xuân.	21/QĐ-UBND ngày 04/01/2017	183.110	183.110	159.824	159.824	23.286	Sở Giao thông Vận tải	
3	Cải tạo, nâng cấp công trình đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh đến đèo Am Tiên, huyện Triệu Sơn.	4141/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	92.995	92.995	85.717	85.717	7.278	UBND huyện Triệu Sơn	
4	Đường ven sông Mã từ ngã ba Bông đến QL 1A, thuộc địa phận huyện Hậu Lộc.	4123/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	45.446	19.590	37.756	11.900	7.690	UBND huyện Hậu Lộc	
5	Sa bàn Hàm Rồng chiến thắng.	1023/QĐ-UBND ngày 04/4/2017	4.002	4.002	3.576	3.576	426	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
6	Nhà xưởng thực hành nghề kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính và thiết kế thời trang, Trường trung cấp nghề thanh thiếu niên đặc biệt khó khăn Thanh Hóa.	4040/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	10.618	2.618	10.400	2.400	218	Trường trung cấp nghề thanh thiếu niên đặc biệt khó khăn Thanh Hóa.	
7	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Như Xuân.	3710/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	43.147	24.488	34.659	16.000	8.488	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	
8	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Lang Chánh.	3842/QĐ-UBND ngày 26/10/2010; 3112/QĐ-UBND ngày 23/8/2017	43.583	18.925	37.231	12.573	6.352	Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh	
9	Nhà lưu xá thanh niên, nhà ở cho các mẹ về hưu tại Làng trẻ em SOS Thanh Hóa.	5011/QĐ-UBND ngày 26/12/2016	7.947	7.947	4.921	4.921	3.026	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Trung tâm y tế huyện Nga Sơn.	4038/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	18.216	17.950	14.566	14.300	3.650	UBND huyện Nga Sơn	
11	Đầu tư nâng cao năng lực kiểm định, kiểm nghiệm của Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Thanh Hóa.	762/QĐ UBND ngày 14/3/2017	28.193	28.193	22.500	22.500	5.693	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng Thanh Hóa	
12	Đầu tư xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị TX. Bim Sơn.	688/QĐ-UBND ngày 07/3/2017	9.563	5.977	8.593	5.300	677	Thị ủy Bim Sơn	
13	Đầu tư nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bá Thước.	3186/QĐ-UBND ngày 13/12/2016	4.279	4.279	3.500	3.500	779	Huyện ủy Bá Thước	
14	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ngọc Lặc.	3483/QĐ-UBND ngày 15/9/2017	13.691	9.388	7.500	7.500	1.888	Huyện ủy Ngọc Lặc	
15	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Triệu Sơn.	4146/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	29.596	29.002	22.694	22.100	6.902	UBND huyện Triệu Sơn	
16	Nâng cấp Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Quan Hóa.	3027/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	4.278	4.278	3.250	3.250	1.028	Huyện ủy Quan Hóa	
17	Trạm Thú y thành phố Thanh Hóa.	2682/QĐ-UBND ngày 27/7/2017	6.068	6.068	4.800	4.800	1.268	Chi cục Thú y	
18	Trạm Thú y huyện Mường Lát.	2683/QĐ-UBND ngày 27/7/2017	5.086	5.086	3.670	3.670	1.416	Chi cục Thú y	
19	Trạm kiểm dịch động vật Đốc Xây, thị xã Bim Sơn.	2684/QĐ-UBND ngày 27/7/2017	3.621	3.621	3.050	3.050	571	Chi cục Thú y	
20	Công sở xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia.	4138/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	6.841	6.841	5.600	5.600	1.241	UBND xã Tĩnh Hải	
21	Công sở xã Hà Hải, huyện Hà Trung.	283/QĐ-UBND ngày 16/02/2017	5.452	3.865	3.140	3.140	725	UBND xã Hà Hải	
22	Công sở xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy	4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	6.736	6.736	6.466	6.466	270	UBND xã Cẩm Châu	
23	Công sở xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa	4545/QĐ-UBND ngày 21/11/2017	10.448	5.650	8.156	4.200	1.450	UBND xã Thiệu Vũ	
24	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Quan Sơn.	1421/QĐ-UBND ngày 06/9/2017	6.241	5.000	3.700	3.700	1.300	Huyện ủy Quan Sơn	
25	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hậu Lộc.	4147/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	10.557	7.269	7.300	5.800	1.469	Huyện ủy Hậu Lộc	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
26	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Sầm Sơn.	3470/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	11.107	7.000	6.898	5.200	1.800	Thành ủy Sầm Sơn	
27	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông vào Nhà máy Frocroma Nam Việt xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn	3874/QĐ-UBND ngày 10/11/2014; 5149/SCTC-ĐT ngày 27/11/2017	38.667	34.576	34.724	32.345	2.231	UBND huyện Triệu Sơn	
28	Đường Đông Tây 1 (Giai đoạn I) - KKT Nghi Sơn (Đoạn từ QL 1A tại xã Xuân Lâm đến đường Bắc Nam 3).	4262/QĐ-UBND ngày 01/11/2016	30.797	30.797	30.243	30.243	554	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
29	Đường Bắc Nam 1B (Giai đoạn I) - KKT Nghi Sơn (Đoạn từ núi giao với đường Bắc Nam 2 đến núi giao với đường 513) - KKT Nghi Sơn.	2943/QĐ-UBND ngày 11/8/2017	179.423	179.423	170.338	170.338	9.085	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
30	Nâng cấp đường giao thông Thọ Bình - Bình Sơn, huyện Triệu Sơn.	4149/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	32.843	10.269	18.374		10.269	UBND huyện Triệu Sơn	
31	Đường Trần Nhân Tông đoạn từ điểm cuối GĐ1 đại lộ Nam sông Mã đến đường Nguyễn Du, thị xã Sầm Sơn (Không bao gồm chi phí GPMB).	4424/QĐ-UBND ngày 17/11/2017	51.682	51.682	43.810	43.810	7.872	Sở Giao thông Vận tải	
<i>b</i>	<i>Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt</i>		<i>1.195.874</i>	<i>951.876</i>	<i>822.762</i>	<i>541.148</i>	<i>78.600</i>		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Hương, thị xã Sầm Sơn.	4422/QĐ-UBND ngày 11/12/2013; 4525/QĐ-UBND ngày 02/11/2015	455.655	455.655	356.605	226.605	15.000	UBND thành phố Sầm Sơn	
2	Hoàn chỉnh nội thất, đồ thờ, đèn thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng.	2417/QĐ-UBND ngày 01/8/2014; 3102/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	63.051	51.545	41.909	17.000	5.000	Sở Xây dựng	
3	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Cồ (đoạn từ đường Hàm Long đến Thiển Viên Trúc Lâm Hàm Rồng), phường Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa.	3113/QĐ-UBND ngày 05/4/2017	11.753	11.753	5.000	5.000	4.500	Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	
4	Doanh trại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	3735/QĐ-BTL ngày 22/9/2014	193.487	96.893	155.555	73.500	10.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBĐT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5	Nhà làm việc trung tâm Cảnh sát PCCC tỉnh Thanh Hóa.	252/QĐ-H41-H45 ngày 30/10/2015	129.922	19.500	45.500	4.000	6.000	Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Thanh Hóa	
6	Đường giao thông xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành.	2099/QĐ-UBND ngày 07/7/2009; 3320/QĐ-UBND ngày 24/9/2013	71.751	62.526	45.000	45.000	8.000	UBND huyện Thạch Thành	
7	Vườn hoa và tượng nữ anh hùng liệt sỹ Nguyễn Thị Lợi, TX. Sầm Sơn.	4599/QĐ-UBND ngày 25/11/2016	11.992	11.992	5.000	5.000	4.600	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
8	Tòa nhà báo Thanh Hóa và Trung tâm báo chí TP. Thanh Hóa.	3519/QĐ-UBND ngày 26/10/2012; 3831/QĐ-UBND ngày 09/10/2017	80.055	80.055	57.300	57.300	6.000	Báo Thanh Hóa	
9	Xây dựng mới nhà 3 tầng; cải tạo nhà đội xe thành nhà công vụ và một số công trình phụ trợ của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.	3624/QĐ-UBND ngày 29/10/2014; 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	17.923	17.923	13.400	13.400	1.800	Văn phòng UBND tỉnh	
10	Đầu tư xây dựng hợp khối Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng và Trung tâm thông tin - Ứng dụng - Chuyển giao khoa học và công nghệ.	2908/QĐ-UBND ngày 16/8/2013; 4302/QĐ-UBND ngày 02/11/2016; 2437/QĐ-UBND ngày 11/7/2017	69.231	65.952	36.000	36.000	13.000	Sở Khoa học và Công nghệ	
11	Trung tâm hội nghị huyện Quan Sơn.	3623/QĐ-UBND ngày 12/10/2010; 3554/QĐ-UBND ngày 17/9/2015; 3009/QĐ-UBND ngày 16/8/2017	24.895	20.793	13.700	13.700	1.800	UBND huyện Quan Sơn	
12	Trụ sở làm việc Khối đoàn thể huyện Tĩnh Gia.	4430/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	12.720	7.000	5.600	5.600	400	UBND huyện Tĩnh Gia	
13	Trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy Thọ Xuân.	3490/QĐ-UBND ngày 24/10/2011	26.384	26.384	21.143	21.143	1.300	Huyện ủy Thọ Xuân	
14	Khu hội nghị huyện Thường Xuân.	3640/QĐ-UBND ngày 17/10/2013	27.055	23.905	21.050	17.900	1.200	UBND huyện Thường Xuân	
c	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2018		2.037.106	1.568.212	1.013.748	808.653	209.488		

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBĐT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Đường giao thông từ QL1A vào Nhà máy xi măng Long Sơn và KCN phía Đông thị xã Bim Sơn.	4339/QĐ-UBND ngày 28/10/2015; 4190/QĐ-UBND ngày 02/11/2017	181.086	172.050	45.000	45.000	30.000	UBND thị xã Bim Sơn	
2	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ từ, trưng bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	4363/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	289.942	125.000	65.000	65.000	23.000	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
-	<i>Trong đó: Dự án khu dân cư, tái định cư xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, phục vụ GPMB dự án Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ từ, trưng bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.</i>	<i>2654/QĐ-UBND ngày 18/7/2016</i>					<i>15.000</i>	<i>UBND huyện Vĩnh Lộc</i>	
3	Trung tâm dịch vụ du lịch hỗ trợ phát huy giá trị cụm di tích xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	1608/QĐ-UBND ngày 12/5/2016	45.947	38.000	12.700	12.700	13.000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
4	Đường giao thông tuyến đường chính và đường xương cá thị trấn Quan Hóa.	1383/QĐ-UBND ngày 21/5/2008; 2783/QĐ-UBND ngày 30/7/2015; 4184/QĐ-UBND ngày 01/11/2017	27.680	24.873	19.900	19.900	1.200	UBND huyện Quan Hóa	
5	Đường giao thông từ xã Lũng Niêm đi Khu du lịch Thác Hươu, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.	4414/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	35.000	22.500	17.500	5.000	1.600	UBND huyện Bá Thước	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Quảng Lĩnh - Quảng Trường - Quảng Vọng, huyện Quảng Xương.	1133/QĐ-UBND ngày 08/4/2011; 689/QĐ-UBND ngày 27/02/2015; 2908/QĐ-UBND ngày 09/8/2017	44.157	33.190	19.500	9.500	3.100	UBND huyện Quảng Xương	
7	Trung tâm Hội nghị - Nhà văn hóa thị xã Bim Sơn.	3477/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	57.551	20.986	15.715	15.715	2.285	UBND thị xã Bim Sơn	
8	Khu hội nghị huyện Mường Lát.	4493/QĐ-UBND ngày 16/12/2013; 3576/QĐ-UBND ngày 18/9/2015	35.234	35.234	26.500	26.500	3.500	UBND huyện Mường Lát	
9	Sửa chữa, cải tạo xây dựng phòng họp trực tuyến và một số hạng mục thuộc trụ sở cơ quan Tỉnh ủy.	1843/QĐ-UBND ngày 05/6/2017	9.832	9.832	5.000	5.000	2.000	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBĐT); giá trị quyết toán		Lấy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thành.	1700/QĐ-UBND ngày 8/6/2009; 874/QĐ-UBND ngày 30/3/2012	94.166	27.901	70.625	4.000	4.700	Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành	
11	Cải tạo và nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bá Thước.	2085/QĐ-UBND ngày 14/7/2008; 866/QĐ-UBND ngày 24/3/2017	29.390	7.875	23.615	2.100	1.603	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	
12	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc.	2084/QĐ-UBND ngày 14/7/2008; 3446/QĐ-UBND ngày 12/9/2017	54.075	33.709	22.366	2.000	800	Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	
13	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Hoàng quốc công Đào Duy Từ xã Nguyễn Bình, huyện Tĩnh Gia.	4418/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	43.597	14.000	10.500	10.500	1.400	UBND huyện Tĩnh Gia	
14	Cải tạo trụ sở liên cơ quan Hội cựu chiến binh - Tinh đoàn - Hội nông dân tỉnh Thanh Hóa và đầu tư mua sắm trang thiết bị làm việc cơ quan Hội cựu chiến binh tỉnh.	1785/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	14.982	14.982	5.000	5.000	5.500	Hội cựu chiến binh tỉnh Thanh Hóa	
15	Tu bổ tôn tạo cụm di tích lịch sử cách mạng Hàm Hạ xã Đông Tiến huyện Đông Sơn.	1996/QĐ-UBND ngày 31/12/2016; 3847/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	26.110	26.110	4.050	4.050	10.000	UBND huyện Đông Sơn	
16	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình Gia Miêu xã Hà Long, huyện Hà Trung.	6940/QĐ-UBND ngày 28/10/2016; 2430/QĐ-UBND ngày 07/7/2017	26.044	14.918	7.000	5.000	7.600	UBND huyện Hà Trung	
17	Đường giao thông từ bản Cá Nội, xã Pù Nhi đi bản Chim xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát.	264/QĐ-UBND ngày 30/10/2010; 568/QĐ-UBND ngày 03/3/2014; 284/QĐ-UBND ngày 23/01/2017	112.710	57.111	77.589	22.000	9.000	UBND huyện Mường Lát	
18	Cầu qua sông Hoàng, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương.	4201/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	53.031	52.548	28.000	28.000	9.000	UBND huyện Quảng Xương	
19	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 217 đi xã Vĩnh Minh và Di tích Quốc gia danh lam thắng cảnh núi Kim Sơn, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc.	4426/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	44.992	44.992	19.000	19.000	12.500	UBND huyện Vĩnh Lộc	
20	Cầu cứng từ thị trấn Mường Lát đi bản Pom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát.	4437/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	30.364	30.364	18.500	18.500	5.000	UBND huyện Mường Lát	
21	Đường giao thông từ xã Luận Thành, huyện Thường Xuân đi xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn.	4400/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	44.983	44.983	24.788	24.788	6.700	UBND huyện Thường Xuân	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBĐT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
22	Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Sơn Lư - Tam Lư, huyện Quan Sơn.	4366/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	41.988	41.988	22.500	22.500	6.900	UBND huyện Quan Sơn	
23	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ tỉnh lộ 530 đi đến thác Ma Hào và bản Năng Cát xã Trí Nang, huyện Lang Chánh.	4424/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	37.952	37.271	20.000	20.000	6.000	UBND huyện Lang Chánh	
24	Đường từ xã Xuân Phú huyện Quan Hóa đi xã Trung Xuân huyện Quan Sơn.	4425/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	46.999	30.499	23.500	7.000	2.500	UBND huyện Quan Hóa	
25	Cải tạo, nâng cấp đường liên huyện từ xã Yên Lâm, huyện Yên Định đi các xã Cao Thịnh, Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lạc.	4399/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	32.990	32.990	18.500	18.500	4.600	UBND huyện Yên Định	
26	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động trong của các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015 - 2020.	4458/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	47.772	47.772	34.000	34.000	3.000	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	
27	Xây dựng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa trên mạng Internet giai đoạn 2017 - 2019	1789/QĐ-UBND ngày 31/5/2017	10.224	10.224	5.000	5.000	2.000	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	
28	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông nối từ Đường tỉnh 526 với Quốc lộ 10, huyện Hậu Lộc.	686/QĐ-UBND ngày 07/3/2017	22.998	21.000	8.000	8.000	6.000	UBND huyện Hậu Lộc	
29	Trung tâm Truyền hình - Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh Thanh Hoá.	1195/QĐ-UBND ngày 18/4/2011; 4140/QĐ-UBND ngày 25/10/2016; 1500/QĐ-UBND ngày 09/5/2017	495.310	495.310	344.400	344.400	25.000	Sở Xây dựng	
<i>d</i>	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2018</i>		<i>7.393.384</i>	<i>4.222.308</i>	<i>1.729.280</i>	<i>718.841</i>	<i>575.138</i>		
1	Đường vành đai Đông Tây TP. Thanh Hoá, đoạn qua thị trấn Rừng Thông đến quốc lộ 1A.	2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016	1.283.327	300.000	30.319	10.000	30.000	Sở Giao thông Vận tải	
2	Tuyến đường từ QL 1A đi Cảng Nghi Sơn - KKT Nghi Sơn (đoạn từ QL 1A đến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn).	352/QĐ-BQLKKTNS&KCN ngày 29/9/2016	1.479.095	200.000	597.000	5.000	20.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
3	Đầu tư xây dựng bệnh viện ung bướu Thanh Hóa.	1056/QĐ-UBND ngày 28/3/2016; 1202/QĐ-UBND ngày 07/4/2016; 681/QĐ-UBND ngày 06/3/2017	699.868	604.168	109.300	87.300	35.000	Sở Y tế	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	Xây dựng Khoa nội A và Trung tâm huyết học - truyền máu Bệnh viện đa khoa tỉnh.	4252/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	124.451	124.451	23.000	23.000	25.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh	
5	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.	3041/QĐ-UBND ngày 27/8/2010	125.830	125.830	36.009	36.009	10.000	Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	
6	Trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường xã Thọ Lập huyện Thọ Xuân.	2453/QĐ-UBND ngày 11/7/2017	34.965	34.965	5.050	5.050	9.000	UBND huyện Thọ Xuân	
7	Đường từ QL1A vào khu du lịch nghỉ mát Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia.	166/QĐ-UBND ngày 15/01/2007; 4452/QĐ-UBND ngày 21/11/2017	99.878	60.000	26.591		12.000	UBND huyện Tĩnh Gia	
8	Đường giao thông cầu Kê - Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân.	43/QĐ-UBND ngày 07/01/2009; 2292/QĐ-UBND ngày 22/6/2015	232.893	91.284	106.215	28.000	20.000	UBND huyện Thọ Xuân	
9	Hệ thống giao thông xã Mường Chanh, huyện Mường Lát.	4158/QĐ-UBND ngày 18/10/2015	114.590	50.000	15.000	7.000	11.000	UBND huyện Mường Lát	
10	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng, đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn.	2901/QĐ-UBND ngày 03/8/2016	53.972	53.972	21.000	21.000	16.000	UBND huyện Triệu Sơn	
11	Nâng cấp trạm bơm tiêu Quang Hoa, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân.	4359/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	84.981	82.881	28.125	28.125	20.000	UBND huyện Thọ Xuân	
12	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Đồng Ngâu, xã Xuân Sơn, huyện Thọ Xuân.	413/QĐ-UBND ngày 09/02/2017	49.675	44.646	20.000	20.000	15.000	UBND huyện Thọ Xuân	
13	Hạ tầng kỹ thuật Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt của TP. Thanh Hóa và các vùng phụ cận (Giai đoạn I).	3992/QĐ-UBND ngày 08/11/2010; 1900/QĐ-UBND ngày 19/6/2014; 816/QĐ-UBND ngày 17/3/2017	221.130	207.674	105.356	91.900	12.000	Công ty TNHH một thành viên môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa (nay là Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị)	
14	Tu bổ, nâng cấp và hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Mậu Khê (đoạn Thiệu Long - Thiệu Duy - Thiệu Hợp), huyện Thiệu Hóa.	3097/QĐ-UBND ngày 23/8/2017	49.995	49.295	1.150	1.150	20.000	UBND huyện Thiệu Hóa	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15	Đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL 217 với QL 45 huyện Vĩnh Lộc.	4272/QĐ-UBND ngày 02/12/2009; 2252/QĐ-UBND ngày 28/6/2016	149.778	149.778	64.957	34.457	20.000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
16	Đường giao thông đến khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa.	3808/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	135.877	89.813	43.000	19.000	15.000	UBND huyện Hoằng Hóa	
17	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thị xã Sầm Sơn.	4321/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	159.894	151.276	39.517	17.000	20.000	UBND thành phố Sầm Sơn	
18	Nâng cấp, cải tạo đường nối QL1A với QL 10 (đoạn từ Đại Lộc đến Liên Lộc), huyện Hậu Lộc.	4323/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	145.966	140.298	45.000	45.000	20.000	UBND huyện Hậu Lộc	
19	Nâng cấp, cải tạo đường từ tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi tỉnh lộ 517 (xã Đồng Lợi), huyện Triệu Sơn.	4322/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	79.960	77.639	33.000	33.000	20.000	UBND huyện Triệu Sơn	
20	Nâng cấp, cải tạo đường Mỹ Tân - Cao Ngọc - Vân Am, huyện Ngọc Lặc nối tiếp với xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh.	4225/QĐ-UBND ngày 21/10/2015; 2020/QĐ-UBND ngày 13/6/2016	119.976	117.476	40.000	40.000	20.000	UBND huyện Ngọc Lặc	
21	Đường trục chính đô thị, thị trấn Đông Sơn (Kết nối QL45, 47).	4398/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	153.021	134.831	31.000	31.000	20.000	UBND huyện Đông Sơn	
22	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ QL45 đi xã Định Tăng, huyện Yên Định.	3171/QĐ-UBND ngày 23/8/2016	79.490	79.490	17.000	17.000	11.000	UBND huyện Yên Định	
23	Xây dựng tuyến đường tránh quốc lộ 45 vào Cụm Công nghiệp phía tây thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định.	4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	199.998	60.000	8.000	8.000	10.138	UBND huyện Yên Định	
24	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 514 đoạn từ Cầu Thiệu đi Cầu Nhôm, xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn.	862/CV-HUBND ngày 31/10/2017	135.000	135.000	1.200	1.200	20.000	UBND huyện Triệu Sơn	
25	Cải tạo, nâng cấp hồ Bai Cái, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành.	2810/QĐ-UBND ngày 15/8/2017	80.026	80.000	10.150	10.150	18.000	UBND huyện Thạch Thành	
26	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa.	4122/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	39.682	39.682	5.100	5.100	10.000	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
27	Đường giao thông Quảng Bình - Quảng Thái, huyện Quảng Xương.	3418/QĐ-UBND ngày 11/9/2017	126.765	115.000	12.200	12.200	20.000	UBND huyện Quảng Xương	
28	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 515 Ba Chè - Thiệu Toán - Hạnh Phúc.	2907/QĐ-UBND ngày 09/8/2017	120.000	120.000	12.000	12.000	20.000	Sở Giao thông Vận tải	
29	Đường giao thông Cẩm Bình - Cẩm Thạch - Cẩm Liên - Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy.	3137/QĐ-UBND ngày 24/8/2017	131.697	124.000	12.200	12.200	20.000	UBND huyện Cẩm Thủy	
30	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom nước thải, nước mưa khu vực phía Tây đường Hồ Xuân Hương, thành phố Sầm Sơn.	1898/QĐ-UBND ngày 06/6/2017	158.682	158.682	33.000	12.000	20.000	UBND thành phố Sầm Sơn	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
31	Di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18,50) m đến cao trình (+20,36) m.	415/QĐ-UBND ngày 24/11/2017	290.903	100.000	12.000	12.000	13.000	Sở Nông nghiệp và PTNT	
32	Cải dịch sông Tuần Cung - KKT Nghi Sơn.	418/QĐ-BQLKKTNS ngày 31/12/2013	107.719	107.719	45.000	5.000	15.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
33	Tuyến đường bộ ven biển (đoạn nối đường 513 với đường ven biển tỉnh Nghệ An) thuộc KKT Nghi Sơn.	27/QĐ-BQLKKTNS ngày 03/03/2011; 192/QĐ-BQLKKTNS ngày 28/6/2013	324.300	212.459	140.841	29.000	8.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
<i>e</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2018 và chuẩn bị đầu tư</i>		<i>1.257.921</i>	<i>1.174.131</i>	<i>12.500</i>	<i>12.500</i>	<i>70.000</i>		Căn cứ tình hình chuẩn bị hồ sơ, thủ tục và tình hình thực tế, giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết và thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi có quyết định giao kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện theo quy định.
1	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn (GĐ D).	516/CV-HĐND ngày 14/7/2017	499.000	499.000	2.500	2.500		Sở Giao thông Vận tải	
2	Đầu tư xây dựng trạm bơm tưới xã Vinh Hùng, huyện Vinh Lộc.		82.000	80.000	300	300		UBND huyện Vinh Lộc	
3	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn một số hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	1006/CV-HĐND ngày 06/12/2017	60.000	60.000	700	700		Sở Nông nghiệp và PTNT	
4	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 515B Thiệu Lý - Đông Hoàng.	3869/QĐ-UBND ngày 11/10/2017	40.000	40.000	300	300		Sở Giao thông Vận tải	
5	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Nga Tân, Nga Tiến, Nga Thái, huyện Nga Sơn.	3960/QĐ-UBND ngày 18/10/2017	25.000	24.000	100	100		UBND huyện Nga Sơn	
6	Tuyến đường nối KCN Tây Bắc Ga với đường vành đai phía Tây, TP. Thanh Hóa (Từ mốc A2 đến mốc A4).		60.000	45.000	600	600		UBND thành phố Thanh Hóa	
7	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 526B (Hậu Lộc - Quán Dốc).	856/CV-HĐND ngày 31/10/2017	85.000	85.000	600	600		Sở Giao thông Vận tải	

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBĐT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 515C Đu - Thọ Vực.	3850/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	40.000	40.000	300	300		Sở Giao thông Vận tải	
9	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ xã Thúy Sơn, huyện Ngọc Lặc đi làng Thưng xã Đông Lương (huyện Lang Chánh).		65.000	62.000	600	600		UBND huyện Ngọc Lặc.	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ nhà máy may IVORY kết nối với đường tỉnh 526, huyện Hậu Lộc.		84.000	81.000	600	600		UBND huyện Hậu Lộc	
11	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối Quốc lộ 45 với tỉnh lộ 505, huyện Như Thanh.	4404/QĐ-UBND ngày 16/11/2017	50.000	48.000	450	450		UBND huyện Như Thanh	
12	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Xuân Tín - Quảng Phú, huyện Thọ Xuân.	4372/QĐ-UBND ngày 16/11/2017	25.000	24.000	450	450		UBND huyện Thọ Xuân	
13	Nâng cấp đường giao thông từ Tỉnh lộ 530 vào cụm công nghiệp Bãi Bù xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh.	4085/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	22.000	22.000				UBND huyện Lang Chánh	
14	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.	4142/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.931	14.931	5.000	5.000		Sở Kế hoạch và Đầu tư	
15	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Thanh Hóa.	1215-QĐ/TWĐTN ngày 31/8/2016	50.000	10.000				Tỉnh đoàn Thanh Hóa	
16	Trụ sở làm việc UBND - HĐND huyện Đông Sơn.	3771/QĐ-UBND ngày 04/10/2017	55.990	39.200				UBND huyện Đông Sơn	



Phụ lục số 2 - CHI TIẾT KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018
 (Kế hoạch theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt) và Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến thời điểm báo cáo		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ						2.500.000		
I.1	Vốn điều tiết về ngân sách huyện, xã						2.250.000		
I.2	Vốn điều tiết về ngân sách tỉnh						250.000		
1	Trả nợ Ngân hàng phát triển.						120.000		
2	Trả nợ vốn vay các dự án sử dụng vốn ODA.						36.800		
3	Chi đo đạc, lập bản đồ địa chính, địa giới hành chính.						25.000		
4	Bố trí vốn cho các dự án trong điểm, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch và bổ sung Quỹ phát triển đất.						68.200		Giao UBND tỉnh xây dựng kế hoạch phân bổ chi tiết phù hợp với tiến độ thu tiền sử dụng đất, thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh để triển khai thực hiện.

Phụ lục 3: CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN CỦA CÁC DỰ ÁN TRỤ SỞ LÀM VIỆC MẶT TRẬN TỔ QUỐC, KHỐI ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CẤP HUYỆN VÀ CÔNG SỞ XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số: 75/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt báo cáo KTKT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBĐT)		Vốn đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ		452.565	414.814	120.000	332.565	294.814	93.400		Căn cứ tình hình chuẩn bị hồ sơ, thủ tục và tình hình thực tế, giao UBND tỉnh giao kế hoạch chi tiết cho từng dự án để triển khai thực hiện theo quy định.
A	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2018		228.465	190.714	120.000	108.465	70.714	30.350		
<i>I</i>	<i>Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện</i>		44.703	26.164	18.000	26.703	8.164	2.700		
-	Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể huyện Thường Xuân.	1571/QĐ-UBND ngày 18/8/2017	4.664	4.664	3.000	1.664	1.664	700	UBND huyện Thường Xuân	
-	Trụ sở làm việc khối đoàn thể huyện Hà Trung.	3506/QĐ-UBND ngày 09/8/2016	7.254	4.300	3.000	4.254	1.300	400	Huyện ủy Hà Trung	
-	Trụ sở làm việc của Mặt trận Tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Vĩnh Lộc.	1334/QĐ-UBND ngày 18/8/2017	10.791	4.300	3.000	7.791	1.300	400	Huyện ủy Vĩnh Lộc	
-	Trụ sở làm việc khối đoàn thể huyện Hậu Lộc.	2045/QĐ-UBND ngày 11/8/2017	8.784	4.300	3.000	5.784	1.300	400	Huyện ủy Hậu Lộc	
-	Trụ sở làm việc của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện Thiệu Hóa.	2984/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	8.133	4.300	3.000	5.133	1.300	400	Huyện ủy Thiệu Hóa	
-	Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể thị xã Bim Sơn.	3129/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	5.077	4.300	3.000	2.077	1.300	400	UBND thị xã Bim Sơn	
II	Công sở các xã trên địa bàn tỉnh		183.762	164.550	102.000	81.762	62.550	27.650		
<i>I</i>	<i>Huyện Mường Lát</i>									
-	Công sở thị trấn Mường Lát.	936/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	5.496	4.800	3.000	2.496	1.800	800	UBND thị trấn Mường Lát	
-	Công sở xã Tam Chung.	937/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	6.069	4.800	3.000	3.069	1.800	800	UBND xã Tam Chung	
-	Công sở xã Mường Lý.	938/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	7.731	7.000	3.000	4.731	4.000	2.550	UBND xã Mường Lý	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt báo cáo KTKT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT)		Vốn đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	<i>Huyện Quan Sơn</i>									
-	Công sở xã Sơn Thủy.	1372/QĐ-UBND ngày 29/8/2017	5.360	4.700	3.000	2.360	1.700	700	UBND xã Sơn Thủy	
-	Công sở xã Trung Xuân.	1374/QĐ-UBND ngày 29/8/2017	5.503	4.700	3.000	2.503	1.700	700	UBND xã Trung Xuân	
-	Công sở xã Mường Mìn.	1373/QĐ-UBND ngày 29/8/2017	5.161	4.700	3.000	2.161	1.700	700	UBND xã Mường Mìn	
3	<i>Huyện Quan Hóa</i>									
-	Công sở xã Hiền Chung.	881/QĐ-UBND ngày 23/8/2017	4.658	4.658	3.000	1.658	1.658	700	UBND xã Hiền Chung	
-	Công sở xã Trung Thành.	839/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	5.091	4.700	3.000	2.091	1.700	700	UBND xã Trung Thành	
-	Công sở xã Phú Sơn.	882/QĐ-UBND ngày 23/8/2017	5.074	4.700	3.000	2.074	1.700	700	UBND xã Phú Sơn	
-	Công sở xã Thiên Phú.	842/QĐ-UBND ngày 18/8/2017	4.700	4.700	3.000	1.700	1.700	700	UBND xã Thiên Phú	
4	<i>Huyện Bá Thước</i>									
-	Công sở xã Ban Công.	2460/QĐ-UBND ngày 29/8/2017	5.499	5.499	3.000	2.499	2.499	1.300	UBND xã Ban Công	
-	Công sở xã Điền Hạ.	2459/QĐ-UBND ngày 29/8/2017	4.700	4.700	3.000	1.700	1.700	700	UBND xã Điền Hạ	
5	<i>Huyện Lang Chánh</i>									
-	Công sở xã Đồng Lương.	1239/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	5.392	4.700	3.000	2.392	1.700	700	UBND xã Đồng Lương	
-	Công sở xã Giao Thiện.	1240/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	4.779	4.700	3.000	1.779	1.700	700	UBND xã Giao Thiện	
6	<i>Huyện Thường Xuân</i>									
-	Công sở xã Xuân Thắng.	1626/QĐ-UBND ngày 29/8/2017	4.684	4.684	3.000	1.684	1.684	700	UBND xã Xuân Thắng	
7	<i>Huyện Như Xuân</i>									
-	Công sở xã Thanh Quán.	1885/QĐ-UBND ngày 28/8/2017	5.500	5.500	3.000	2.500	2.500	1.300	UBND xã Thanh Quán	
-	Công sở xã Thanh Sơn.	1884/QĐ-UBND ngày 28/8/2017	5.198	4.700	3.000	2.198	1.700	700	UBND xã Thanh Sơn	
8	<i>Huyện Cẩm Thủy</i>									
-	Công sở xã Cẩm Thành.	1412/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	5.449	5.449	3.000	2.449	2.449	1.300	UBND xã Cẩm Thành	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt báo cáo KTKT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBT)		Vốn đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Công sở xã Cẩm Long.	1414/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	5.501	5.500	3.000	2.501	2.500	1.300	UBND xã Cẩm Long	
-	Công sở xã Cẩm Tâm.	1413/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	4.667	4.667	3.000	1.667	1.667	700	UBND xã Cẩm Tâm	
9	<i>Huyện Thạch Thành</i>									
-	Công sở xã Thạch Quảng.	3044/QĐ-UBND ngày 28/8/2017	5.494	5.494	3.000	2.494	2.494	1.300	UBND xã Thạch Quảng	
-	Công sở xã Thạch Long.	3043/QĐ-UBND ngày 28/8/2017	5.499	5.499	3.000	2.499	2.499	1.300	UBND xã Thạch Long	
10	<i>Huyện Ngọc Lặc</i>									
-	Công sở xã Cao Ngọc.	3433/QĐ-UBND ngày 29/8/2017	5.500	5.500	3.000	2.500	2.500	1.300	UBND xã Cao Ngọc	
11	<i>Huyện Như Thanh</i>									
-	Công sở xã Phúc Đường.	2200/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	4.717	4.700	3.000	1.717	1.700	700	UBND xã Phúc Đường	
12	<i>Huyện Hậu Lộc</i>									
-	Công sở xã Thuận Lộc.	2254/QĐ-UBND ngày 31/8/2017	5.427	4.300	3.000	2.427	1.300	400	UBND xã Thuận Lộc	
-	Công sở xã Phong Lộc.	2235/QĐ-UBND ngày 28/8/2017	5.508	4.300	3.000	2.508	1.300	400	UBND xã Phong Lộc	
13	<i>Huyện Tĩnh Gia</i>									
-	Công sở xã Tân Trường.	4922/QĐ-UBND ngày 28/8/2017	5.900	4.700	3.000	2.900	1.700	700	UBND xã Tân Trường	
-	Công sở xã Xuân Lâm.	4890/QĐ-UBND ngày 28/8/2017	4.300	4.300	3.000	1.300	1.300	400	UBND xã Xuân Lâm	
14	<i>Huyện Triệu Sơn</i>									
-	Công sở xã Dân Lực.	4804/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	6.228	4.700	3.000	3.228	1.700	700	UBND xã Dân Lực	
-	Công sở xã Nông Trường.	4803/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	6.388	4.300	3.000	3.388	1.300	400	UBND xã Nông Trường	
15	<i>Huyện Nông Cống</i>									
-	Công sở xã Tân Khang.	1795/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	5.311	4.300	3.000	2.311	1.300	400	UBND xã Tân Khang	
16	<i>Huyện Vĩnh Lộc</i>									
-	Công sở xã Vĩnh Khang.	1398A/QĐ-UBND ngày 28/8/2017	7.016	4.300	3.000	4.016	1.300	400	UBND xã Vĩnh Khang	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt báo cáo KTKT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBĐT)		Vốn đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Công sở xã Vinh Hưng.	1400A/QĐ-UBND ngày 28/8/2017	4.998	4.300	3.000	1.998	1.300	400	UBND xã Vinh Hưng	
17	<i>Huyện Hà Trung</i>									
-	Công sở xã Hà Lâm.	3016/QĐ-UBND ngày 29/8/2017	5.264	4.300	3.000	2.264	1.300	400	UBND xã Hà Lâm	
B	Các dự án công sở xã dự kiến khởi công mới năm 2018		224.100	224.100		224.100	224.100	63.050		
1	<i>Huyện Mường Lát</i>									
-	Công sở xã Tén Tàn.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Tén Tàn	
2	<i>Huyện Quan Sơn</i>									
-	Công sở xã Sơn Điện.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Sơn Điện	
-	Công sở xã Trung Thượng.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Trung Thượng	
-	Công sở xã Sơn Hà.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Sơn Hà	
3	<i>Huyện Quan Hóa</i>									
-	Công sở xã Phú Xuân.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Phú Xuân	
-	Công sở xã Thành Sơn.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Thành Sơn	
-	Công sở xã Hồi Xuân.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Hồi Xuân	
-	Công sở xã Nam Động.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Nam Động	
4	<i>Huyện Bá Thước</i>									
-	Công sở xã Điền Quang.		5.500	5.500		5.500	5.500	1.500	UBND xã Điền Quang	
-	Công sở xã Thành Lâm.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Thành Lâm	
-	Công sở xã Lâm Xa.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Lâm Xa	
5	<i>Huyện Lang Chánh</i>									
-	Công sở thị trấn Lang Chánh.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND thị trấn Lang Chánh	
6	<i>Huyện Cẩm Thủy</i>									
-	Công sở xã Cẩm Phú.		5.500	5.500		5.500	5.500	1.500	UBND xã Cẩm Phú	
-	Công sở xã Cẩm Quý.		5.500	5.500		5.500	5.500	1.500	UBND xã Cẩm Quý	
-	Công sở xã Cẩm Lương.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Cẩm Lương	
7	<i>Huyện Thạch Thành</i>									
-	Công sở xã Thành Minh.		5.500	5.500		5.500	5.500	1.500	UBND xã Thành Minh	
-	Công sở xã Thạch Tượng.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Thạch Tượng	
-	Công sở xã Thành Tiến.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Thành Tiến	
-	Công sở xã Thạch Sơn.		5.500	5.500		5.500	5.500	1.500	UBND xã Thạch Sơn	
-	Công sở xã Thạch Cẩm.		5.500	5.500		5.500	5.500	1.500	UBND xã Thạch Cẩm	
-	Công sở xã Thạch Đông.		5.500	5.500		5.500	5.500	1.500	UBND xã Thạch Đông	
8	<i>Huyện Ngọc Lặc</i>									

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt báo cáo KTKT	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBT)		Vốn đã giao kế hoạch đến thời điểm báo cáo	Vốn còn thiếu		Kế hoạch vốn năm 2018	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ		Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Công sở xã Ngọc Sơn.		4.700	4.700		4.700	4.700	1.300	UBND xã Ngọc Sơn	
-	Công sở xã Thụy Sơn.		5.500	5.500		5.500	5.500	1.500	UBND xã Thụy Sơn	
-	Công sở xã Kiên Thọ.		5.500	5.500		5.500	5.500	1.500	UBND xã Kiên Thọ	
9	Huyện Hậu Lộc									
-	Công sở xã Hưng Lộc.		5.500	5.500		5.500	5.500	1.500	UBND xã Hưng Lộc	
-	Công sở xã Cầu Lộc.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Cầu Lộc	
10	Huyện Quảng Xương									
-	Công sở xã Quảng Văn.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Quảng Văn	
-	Công sở xã Quảng Phúc.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Quảng Phúc	
11	Huyện Nga Sơn									
-	Công sở xã Nga Bạch.		5.000	5.000		5.000	5.000	1.450	UBND xã Nga Bạch	
12	Huyện Tĩnh Gia									
-	Công sở xã Tùng Lâm.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Tùng Lâm	
-	Công sở xã Phú Lâm.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Phú Lâm	
13	Huyện Triệu Sơn									
-	Công sở xã Thọ Dân.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Thọ Dân	
-	Công sở xã Triệu Thành.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Triệu Thành	
-	Công sở xã Dân Quyền.		5.000	5.000		5.000	5.000	1.450	UBND xã Dân Quyền	
-	Công sở xã Hợp Thắng.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Hợp Thắng	
-	Công sở xã Tiên Nông.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Tiên Nông	
-	Công sở xã Khuyến Nông.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Khuyến Nông	
14	Huyện Nông Cống									
-	Công sở xã Tân Phúc.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Tân Phúc	
-	Công sở xã Thăng Thọ.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Thăng Thọ	
15	Huyện Vĩnh Lộc									
-	Công sở xã Vĩnh Long.		5.000	5.000		5.000	5.000	1.450	UBND xã Vĩnh Long	
-	Công sở xã Vĩnh Phúc.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Vĩnh Phúc	
16	Huyện Thọ Xuân									
-	Công sở xã Thọ Thắng.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Thọ Thắng	
17	Huyện Hà Trung									
-	Công sở xã Hà Bắc.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Hà Bắc	
18	Huyện Thiệu Hóa									
-	Công sở xã Thiệu Duy.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Thiệu Duy	
-	Công sở xã Thiệu Quang.		4.300	4.300		4.300	4.300	1.250	UBND xã Thiệu Quang	
-	Công sở xã Thiệu Phúc.		5.000	5.000		5.000	5.000	1.450	UBND xã Thiệu Phúc	
19	Huyện Thường Xuân									
-	Công sở xã Thọ Thanh.		5.500	5.500		5.500	5.500	1.500	UBND xã Thọ Thanh	